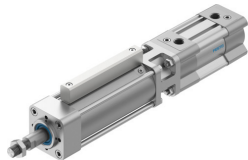


Xylanh có hãm DFLC-40- -

Số bộ phận: 8073331

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Hành trình	10 mm...2000 mm
Ø pít tông	40 mm
Ren thanh pít tông	M12x1,25
Dựa trên tiêu chuẩn	ISO 15552 (trước đây cũng là VDMA 24562, ISO 6431, NF E49 003.1, UNI 10290)
Đệm	Đệm khí nén ở cả hai bên điều chỉnh được
Vị trí lắp đặt	bất kỳ
Loại kẹp có hướng tác động	cả hai phía Kẹp bằng lực lò xo, nhả ra bằng khí nén
Đầu thanh piston	Ren ngoài
Cấu trúc xây dựng	Pít tông Cần piston Ổng định hình
Phát hiện vị trí	cho các công tắc gần
Các biến thể	thanh pít-tông một mặt
Chức năng an toàn	Giữ và tạm dừng một chuyển động
Mức hiệu suất (PL)	Dừng, giữ, chặn chuyển động / Danh mục 1, mức hiệu suất c
Áp suất vận hành	0.06 MPA...0.8 MPA 0.6 bar...8 bar 8.7 psi...116 psi
Áp suất thử nghiệm tối đa cho phép	8 bar
Với áp suất nhả	3.8 bar
Nguyên tắc vận hành	tác động kép
Giấy phép	TÜV
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX) theo Chỉ thị máy móc của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK EX theo quy định của Vương quốc Anh đối với máy móc
Chống cháy nổ	Vùng 1 (ATEX) Vùng 2 (ATEX) Vùng 21 (ATEX) Vùng 22 (ATEX)
Cơ quan cấp chứng chỉ	TÜV CA 697
Danh mục ATEX Khí	II 2G

Đặc tính	Giá trị
Danh mục ATEX Bụi	II 2D
Loại chống cháy nổ Khí	Ex h IIC T4 Gb
Loại chống cháy nổ Bụi	Ex h IIIC T120°C Db
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	-20°C ≤ Ta ≤ +60°C
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lớp chống ăn mòn KBK	1 - ứng suất ăn mòn thấp
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-20 °C...80 °C
Chiều dài đệm	19 mm
Lực giữ tĩnh	1350 N
Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi	633 N
Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luồng	754 N
Khối lượng di chuyển ở hành trình 0 mm	502 g
Khối lượng di chuyển bổ sung trên mỗi hành trình 10 mm	16 g
Trọng lượng cơ bản ở hành trình 0 mm	2930 g
Trọng lượng bổ sung cho mỗi hành trình 10 mm	37 g
Kiểu gắn	với ren trong với phụ kiện
Cổng nối nhả đơn vị kẹp	G1/8
Cổng nối khí nén	G1/4
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu phủ	Nhôm đúc áp lực Hợp kim nhôm rèn
Vật liệu của phốt	NBR TPE-U (PU)
Vật liệu vỏ	Thép
Vật liệu thanh piston	Thép, mạ crom cứng
Vật liệu vỏ xy lanh	Hợp kim nhôm rèn, anot hóa mịn